

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN HÀ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2019/DS-ST

Ngày: 28 - 11- 2019.

“V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN HÀ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Chí Ngãi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nguyệt.

Ông Đinh Văn Hoát.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2019 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-DS ngày 12/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn Làng Rê, xã Sơn Kỳ, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Đinh Thị H: Bà Hồng Thị Tr – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp Pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Đinh Văn R, sinh năm 1979 và vợ bà Đinh Thị H1, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn Làng Rê, xã Sơn Kỳ, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

2.2. Ông Đinh Văn N, sinh năm 1975 và vợ bà Đinh Thị H2, sinh năm 1978. Vắng mặt.

2.3. Ông Đinh Tà V, sinh năm 1972 và vợ bà Đinh Thị H3, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Tà Cơm, xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đinh Văn R và bà Đinh Thị T.

Người đại diện theo ủy quyền của ông R bà T: Chị Đinh Thị H, sinh năm 1985. Có mặt.

3.2. Cháu Đinh Văn Tr, sinh năm 2004.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Đinh Văn Tr: Chị Đinh Thị H, sinh năm 1985. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Làng Rê, xã Sơn Kỳ, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông R, bà T: Ông Trần Việt Ng – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp Pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Đinh Thanh Ngh, sinh năm 1982; Vắng mặt.

4.2. Ông Đinh Thanh Ng, sinh năm 1986; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Tà Bắc, xã Sơn Kỳ, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi

4.3. Ông Đinh Văn Tr, sinh năm 1960; Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Tà Cơm, xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Người phiên dịch: Bà Đinh Thị Mỹ H - Cán bộ Thương mại và Dịch vụ thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Đinh Thị H trình bày:

Về mối quan hệ với chị H:

Anh Đinh Văn Th là chồng của chị H (anh Th chết năm 2010); cha mẹ của anh Th là ông Đinh Văn R và bà Đinh Thị T; cháu Đinh Văn Tr là con chung giữa anh Th và chị H; ông Đinh Tà V là cậu ruột của chị H.

Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp: Thửa đất số 266, diện tích đất 15.940m² tờ bản đồ số 9 xã Sơn Thủy, trước đây là đất rừng do vợ chồng nguyên đơn chị Đinh Thị H và anh Đinh Văn Th khai hoang trồng mì vào năm 2004.

Quá trình sử dụng đất: Sau khi khai hoang và trồng mì năm 2004 không có ai đến ngăn cản và chính cậu ruột của chị H là ông Đinh Tà V cũng giúp vợ chồng chị

khai hoang, năm 2005 vợ chồng chị thu hoạch hoa màu, năm 2006 vợ chồng chị tiếp tục phát dọn và trồng cây keo. Đến năm 2009, hộ gia đình chị được Ủy ban nhân dân huyện Sơn Hà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03372 ngày 12/8/2009, diện tích 15.940m², thửa đất số 266, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại Nước Riềng, xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.

Sau khi khai thác cây keo vào năm 2010 xong thì anh Th chồng của chị H chết; chị bỏ hoang đất một năm không canh tác, năm 2011 chị tiếp tục phát dọn rẫy và trồng cây keo, cũng không có ai ngăn cản.

Năm 2015 khai thác keo lứa thứ hai xong, chị tiếp tục phát dọn rẫy trồng cây keo. Năm 2016 vợ chồng ông R, bà H1; ông V, bà H2; ông N, bà H3 lên nhổ, chặt phá cây keo của chị để trồng mì và cây keo xen kẽ, chị có đến ngăn cản không cho họ chặt phá, họ nói là đất của họ khai hoang từ lâu nên đến lấy lại và tranh chấp với chị.

Theo đơn khởi kiện chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc:

- Ông Đinh Văn R, bà Đinh Thị H1 trả lại cho chị diện tích đất đã lấn chiếm 4.812,9m². Đối với số cây keo đã trồng trên đất chị H nhận sở hữu, hoàn trả lại số tiền cây giống, công trồng là 5.000.000đồng cho vợ chồng ông R, bà H1.

- Ông Đinh Tà V, bà Đinh Thị H2 trả lại cho chị diện tích đất đã lấn chiếm 6.740,1m². Đối với số cây keo đã trồng trên đất chị H nhận sở hữu, hoàn trả lại số tiền cây giống, công trồng là 6.000.000đồng cho vợ chồng ông V, bà H2.

- Ông Đinh Văn N, bà Đinh Thị H3 trả lại cho chị diện tích đất đã lấn chiếm 2.557,2m². Đối với số cây keo đã trồng trên đất chị H nhận sở hữu, hoàn trả lại số tiền cây giống, công trồng là 2.000.000đồng cho vợ chồng ông N, bà H3.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/5/2019 xác định:

- Vợ chồng ông Đinh Văn R, bà Đinh Thị H1 lấn chiếm diện tích đất 4.101m², trên đất có 1.640 cây keo.

- Vợ chồng ông Đinh Tà V, bà Đinh Thị H2 lấn chiếm diện tích đất 9.677m², trên đất có 3.870 cây keo.

- Vợ chồng ông Đinh Văn N, bà Đinh Thị H3 không lấn chiếm đất của chị H.

Nay yêu cầu ông Đinh Văn R, bà Đinh Thị H1 tự khai thác, thu hoạch cây keo và trả lại diện tích đất 4.101m²; vợ chồng ông Đinh Tà V, bà Đinh Thị H2 tự khai thác, thu hoạch cây keo và trả lại diện tích đất 9.677m². Tại thửa đất số 266, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại Nước Riềng, xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.

Nếu họ không tự khai thác, thu hoạch cây keo thì chị yêu cầu được nhận sở hữu số cây keo trên đất và trả lại cho họ số tiền cây keo tương đương với giá trị hiện tại.

Qua kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, ông Đinh Văn N và vợ bà Đinh Thị H3, không lấn chiếm đất của chị nên chị rút yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đinh Văn N và bà Đinh Thị H3 trả lại diện tích đất đã lấn chiếm 2.557,2m².

Theo biên bản lấy lời khai ngày 02/4/2019, biên bản đối chất ngày 29/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đinh Văn R và bà Đinh Thị H1 trình bày:

Đồng ý với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/5/2019 xác định: Ông R, bà H1 lần chiếm diện tích đất 4.101m², trên đất có 1.640 cây keo.

Về nguồn gốc diện tích đất 4.101m², ông R, bà H1 đang tranh chấp với hộ anh Th, chị H; trước đây là đất rừng, vợ chồng ông R, bà H1 khai hoang làm rẫy trồng lúa từ năm 1998 đến năm 2001 thì để hoang; năm 2003 vợ chồng anh Th, chị H lên phát dọn; anh Th, chị H nói để cho vợ chồng anh chị làm ăn ít mùa rồi trả lại đất nhưng sau đó không chịu trả nên đầu năm 2016 thì ông R, bà H phát dọn lấy lại đất trồng keo cho đến nay. Hiện tại, trên diện tích đất 4.101m², ông R, bà H đã trồng 1.640 cây keo 03 năm tuổi (trồng từ tháng 5/2016).

Việc chị H yêu cầu vợ chồng ông R, bà H1 trả lại diện tích đất 4.101m², tại thửa đất số 266, tờ bản đồ số 9 xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà ông bà không đồng ý. Trường hợp phải trả lại đất thì ông R, bà H1 yêu cầu chia lại 1/2 diện tích đất cho ông bà tiếp tục canh tác, sử dụng, phần còn lại giao cho chị H. Đồng thời yêu cầu được khai thác đối với số cây keo trên đất vào tháng 5/2021 (lúc này cây mới được 05 năm tuổi).

Theo biên bản lấy lời khai ngày 02/4/2019, biên bản đối chất ngày 29/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đinh Tà V và bà Đinh Thị H2 trình bày:

Đồng ý với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/5/2019 xác định: Ông V, bà H2 lần chiếm diện tích đất 9.677m², trên đất có 3.870 cây keo.

Về nguồn gốc diện tích đất 9.677m², ông V, bà H2 đang tranh chấp với hộ anh Th, chị H, trước đây là đất rừng, vợ chồng ông V, bà H2 khai hoang làm rẫy trồng lúa từ năm 1998; năm 2000 đến năm 2002 trồng mì, sau khi khai thác mì xong, không làm nữa; năm 2003 anh Đinh Văn Th đến nhà ông bà hỏi cho mượn đất một mùa để trồng mì, ông bà đã đồng ý, chỉ nói bằng miệng không có giấy tờ gì. Sau khi khai thác mì xong, anh Th trồng cây keo, trong thời gian này ông bà đã nhiều lần đòi lại đất rẫy đã cho mượn nhưng vợ chồng anh Th không trả. Đầu năm 2016, ông V, bà H2 phát dọn lấy lại đất trồng mì, sau đó trồng keo cho đến nay. Hiện tại, trên diện tích đất 9.677m², ông V, bà H2 đã trồng 3.870 cây keo đã 03 năm tuổi (trồng từ tháng 5/2016).

Việc chị H yêu cầu vợ chồng ông V, bà H2 trả lại diện tích đất 9.677m², tại thửa đất số 266, tờ bản đồ số 9 xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, ông bà không đồng ý trả. Trường hợp phải trả lại đất thì ông V, bà H2 yêu cầu chia lại 1/2 diện tích đất cho ông bà tiếp tục canh tác, sử dụng, phần còn lại giao cho chị H. Đồng thời yêu cầu được khai thác đối với số cây keo trên đất vào tháng 5/2021 (lúc này cây mới được 05 năm tuổi).

Bị đơn ông Đinh Văn N và vợ bà Đinh Thị H3 trình bày:

Qua kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, ông N, bà H3 không lần chiếm đất của hộ chị Đinh Thị H nên chị H xin rút yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp đất với ông N, bà H3; ông N, bà H3 đồng ý.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như kết quả xét hỏi tại phiên tòa cho thấy nguồn gốc diện tích đất 4.101m² tranh chấp giữa ông R, bà H1 và diện tích đất 9.677m²; tranh chấp giữa ông V, bà H2 với hộ anh Th, chị H tại thửa đất số 266, tờ bản đồ số 9 xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ anh Th, chị H. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông R, bà H1 phải trả diện tích đất 4.101m² và buộc ông V, bà H2 phải trả diện tích đất 9.677m² cho hộ anh Đinh Văn Th, chị Đinh Thị H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của nguyên đơn, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm cho nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hà tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi được phân công thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Các đương sự đều thống nhất vị trí, diện tích, giới cận đất tranh chấp theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ 17/5/2019, đây là sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa, có đủ căn cứ khẳng định, diện tích đất tranh chấp 13.778m² thuộc thửa đất số 266, tờ bản đồ số 9 xã Sơn Thủy đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ anh Th, chị H ngày 12/8/2009 là đúng quy định của pháp luật. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, buộc ông R, bà H1 phải trả diện tích đất 4.101m²; ông V, bà H2 phải trả diện tích đất 9.677m² cho hộ anh Th, chị H.

Qua kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ xác định ông N, bà H3 không lấn chiếm đất của nguyên đơn; nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N, bà H3 trả lại diện tích đất đã lấn chiếm 2.557,2m². Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 224 Bộ luật tố tụng dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về phần này, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, bị đơn có địa chỉ nơi cư trú ở huyện Sơn Hà nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Sơn Hà được quy định tại khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Xác định địa chỉ và diện tích đất tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2019 và kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/5/2019, cụ thể:

- Diện tích đất 4.101m² tranh chấp giữa ông R, bà H1 với hộ anh Th, chị H có giới cận: phía Đông giáp đường liên thôn, phía Tây giáp đất của ông Đinh Văn Ngh, phía Nam giáp đất còn lại của chị H, phía Bắc giáp đất của chị H do ông Đinh Tà V và bà Đinh Thị H2 lấn chiếm.

- Diện tích đất 9.677m² tranh chấp giữa ông V, bà H2 với hộ anh Th, chị H có giới cận: Phía Bắc giáp đất của ông V, bà H2 đang canh tác, phía Nam giáp đất còn lại của chị H, phía Đông giáp đường liên thôn, phía Tây giáp đất của ông Đinh Văn Ngh.

Hai diện tích đất tranh chấp này đều thuộc thửa đất số 266, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại Nước Riêng, xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, giấy chứng nhận số H03372 phù hợp với hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Sơn Hà.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Đinh Thị H:

Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp:

Thửa đất số 266, diện tích đất 15.940m² tờ bản đồ số 9 xã Sơn Thủy, trước đây là đất rừng do vợ chồng nguyên đơn chị Đinh Thị H và Đinh Văn Th khai hoang trồng mì vào năm 2004.

Quá trình sử dụng đất: Sau khi khai hoang và trồng mì năm 2004 không có ai đến ngăn cản và chính cậu ruột của chị H là ông Đinh Tà V cũng giúp vợ chồng nguyên đơn khai hoang, năm 2005 vợ chồng nguyên đơn thu hoạch hoa màu, năm 2006 tiếp tục phát dọn và trồng cây keo. Đến năm 2009, hộ gia đình nguyên đơn được UBND huyện Sơn Hà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này số H03372 ngày 12/8/2009, diện tích 15.940m², thửa đất số 266, tờ bản đồ số 9, xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà. Những người ở gần đất tranh chấp cũng thừa nhận diện tích đất trên là của vợ chồng nguyên đơn khai hoang, canh tác. Đến năm 2016, vợ chồng ông R, bà H1; ông V, bà H2 mới tranh chấp.

Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Văn Phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi chi nhánh Sơn Hà cung cấp; ý kiến của chính quyền địa phương xã Sơn Thủy cho biết việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn là đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 123 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/4/2004. Quá trình làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn không ai khiếu nại, tranh chấp.

[4] Xét lời khai của các bị đơn ông Đinh Văn R, bà Đinh Thị H1; ông Đinh Tà V, bà Đinh Thị H2 cho rằng nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp trước đây là đất rừng, các bị đơn khai hoang làm rẫy lúa từ năm 1998, do đất rẫy bị bạc màu nên dễ hoang. Đến năm 2003, vợ chồng nguyên đơn đến phát dọn, các bị đơn yêu cầu vợ chồng nguyên đơn trả đất cho họ nhưng nguyên đơn không chịu trả đất. Đầu năm 2016 thì các bị đơn phát dọn lấy lại đất trông keo cho đến nay, các bị đơn không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh được diện tích đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình nên không có cơ sở chấp nhận.

Tại khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “*Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”. Đồng thời, tại khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai cũng quy định quyền của người sử dụng đất: “*Được Nhà nước bảo hộ khi người khác xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai của mình*”.

Như vậy, có căn cứ xác định đất tranh chấp đã được Nhà nước giao quyền sử dụng đất hợp pháp cho nguyên đơn nên được Nhà nước bảo hộ khi bị người khác xâm phạm đến quyền sử dụng đất hợp pháp. Việc bị đơn tự ý trồng cây trên đất của nguyên đơn mà không được sự đồng ý của nguyên đơn là hành vi lấn chiếm đất; nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là có cơ sở chấp nhận.

Do đó, đã có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; buộc ông Đinh Văn R, bà Đinh Thị H1 trả diện tích đất 4.101m²; buộc ông Đinh Tà V, bà Đinh Thị H2 trả diện tích đất 9.677m² tại Nước Riêng, xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà cho hộ Đinh Văn Th, chị Đinh Thị H là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 163; khoản 1 Điều 164; khoản 1 Điều 166; Điều 169 và khoản 2 Điều 221; Điều 274 Bộ luật dân sự; Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 100, Điều 166, Điều 202 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai.

[5] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc ông N, bà H3 trả lại diện tích đất đã lấn chiếm 2.557,2m², tại thửa đất số 266, tờ bản đồ số 9 xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà. Tuy nhiên, ông N, bà H3 không lấn chiếm đất của nguyên đơn; nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N, bà H3 trả lại diện tích đất đã lấn chiếm 2.557,2m². Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 224 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn; nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[6] Về giá trị tài sản (đất và cây keo) tranh chấp: Theo biên bản thỏa thuận giá tài sản ngày 10/7/2019 giữa các đương sự, giá trị đất tranh chấp của ông R, bà H1: $4.101\text{m}^2 \times 12.000 \text{ đồng/m}^2 = 49.212.000 \text{ đồng}$, giá trị cây keo $15.000.000 \text{ đồng}$; giá trị đất tranh chấp của ông V, bà H2: $9677\text{m}^2 \times 12.000 \text{ đồng/m}^2 = 116.124.000 \text{ đồng}$, giá trị cây keo $25.000.000 \text{ đồng}$ (Căn cứ bảng giá của Quyết định số: 67/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi) là phù hợp với Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Ý kiến đề nghị người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hà tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ $3.600.000 \text{ đồng}$, nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xong; yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên các bị đơn và nguyên đơn cùng phải chịu chi phí này là phù hợp khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[11] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 50 luật đất đai năm 2003; Điều 100, Điều 166, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Đinh Văn R, bà Đinh Thị H1; ông Đinh Tà V, bà Đinh Thị H2 phải thu hoạch tài sản (cây keo), trả diện tích đất đã lấn chiếm cho chị Đinh Thị H tại thửa đất số 266, diện tích 15.940 m^2 , tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại Nước Riêng, xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03372 ngày 12/8/2009. Cụ thể như sau:

- Buộc ông Đinh Văn R và bà Đinh Thị H1 thu hoạch tài sản (cây keo) trả diện tích đất 4.101m^2 được giới hạn bởi các điểm ABFGK, có giới cận:

Phía đông giáp đường liên thôn có số đo: 77,1m (22,12 + 24,29 + 20,35 + 10,36);

Phía tây giáp đất ông Đinh Văn Ngh có số đo: 44,3m (4,25 + 40,05);

Phía nam giáp phần đất còn lại của chị H có số đo: 39,6m (4,59 + 8,54 + 17,7 + 8,77);

Phía bắc giáp phần đất của chị H do ông V, bà H2 canh tác có số đo: 84,3m (65,06 + 19,25).

- Buộc ông Đinh Tà V và bà Đinh Thị H2 thu hoạch tài sản (cây keo) trả diện tích đất 9.677m² được giới hạn bởi các điểm BCDEF có giới cận:

Phía đông giáp đường liên thôn có số đo: 57,4m (21,4 + 36);

Phía tây giáp phần đất còn lại của chị H có số đo: 100m (39,29 + 44,91 + 15,81);

Phía nam giáp phần đất của chị H do ông R, bà H1 canh tác có số đo: 84,3m (65,06 + 19,25);

Phía bắc giáp đất của ông Đinh Văn N và ông Đinh Khả Đ có số đo: 143,1m (77,45 + 13,41 + 22,21 + 30,05)

(Có sơ đồ trích đo ngày 17/5/2019 kèm theo, là bộ phận không thể tách rời bản án).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị H buộc ông Đinh Văn N và bà Đinh Thị H3 trả lại diện tích đất 2.557,2m², tại thửa đất số 266, tờ bản đồ số 9 xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà. Nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Buộc ông Đinh Văn R, bà Đinh Thị H1 phải hoàn trả cho chị Đinh Thị H số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

Buộc ông Đinh Tà V, bà Đinh Thị H2 phải hoàn trả cho chị Đinh Thị H số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) .

Chị Đinh Thị H phải chịu 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Đinh Văn R, bà Đinh Thị H1 phải chịu 2.460.600 đồng (Hai triệu bốn trăm sáu mươi nghìn sáu trăm đồng); buộc ông Đinh Tà V, bà Đinh Thị H2 phải chịu 5.806.000 đồng (Năm triệu tám trăm lẻ sáu nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Hoàn trả 625.000 đồng (Sáu trăm hai lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí cho chị Đinh Thị H mà chị đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0000145 ngày 01/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Hà.

Các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện Sơn Hà;
- Chi cục THADS huyện Sơn Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ + Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Chí Ngãi